

Bản án số: 02/2020/HC-PT

Ngày: 08/5/2020

*V/v: Kiện hành vi hành chính không xác
nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh.

Các thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 01/2020/TLHC-PT ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc “Kiện hành vi hành chính không xác nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2019/HC-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Đ:

Anh Phùng Nguyễn H, sinh năm 1983. (Có mặt)

Anh Nguyễn Gia M, sinh năm 1996. (Có mặt)

Cùng trú tại: Số 31 phố V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

2. Người bị kiện: UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện: Ông Nguyễn Hữu V – Chủ tịch UBND xã H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Đ - Phó chủ tịch UBND

xã H. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn T – sinh năm 1953. (Có văn bản đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 10/9/1999, UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giao cho ông Lê Văn Đ thửa đất trạm bơm B thuộc thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh với diện tích 96m² có tứ cận Đông 08m; Tây 08m; Nam 12m; Bắc 12m và có thu tiền sử dụng đất số tiền là 3.450.000 đồng. Sau khi được UBND xã giao đất từ đó đến nay, diện tích đất trạm bơm B trên do ông Đ quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Ngày 28/5/2019, ông Đ đã làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với 96m² diện tích đất trạm bơm B này gửi tới UBND xã H, huyện T. Ngày 16/7/2019, UBND xã H ban hành Công văn số 85/CV-UBND từ chối xác nhận vào đơn đề nghị của ông Đ với lý do việc ông Đ đề nghị UBND xã cấp GCNQSDĐ là không đúng thẩm quyền và không có cơ sở.

Do đó ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND xã H phải xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ. Đến ngày 09/10/2019, ông Lê Văn Đ đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với yêu cầu buộc UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thực hiện hành vi hành chính xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ là ông Đ đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất tại trạm bơm B theo quy định của pháp luật.

** Đại diện UBND xã H trình bày:*

Ông Lê Văn Đ đề nghị UBND xã H cấp GCNQSDĐ tại khu đất trạm bơm B thuộc thôn L, xã H, huyện T. UBND xã H xác định việc lập biên bản giao nhận chuyển nhượng giữa ông Vũ Văn T - nguyên Chủ tịch UBND xã H ký ngày 10/9/1999 là vô lý, trái luật và không đúng với thời điểm giao nhận chuyển nhượng. Mặt khác, thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 96m² tại trạm bơm B mà ông Lê Văn Đ đề nghị không thuộc thẩm quyền của UBND xã. Lý do: Trạm bơm B hoạt động phục vụ nước tưới sản xuất từ những năm 1990 đến hết năm 2003 cho trên 50ha lúa thuộc cánh đồng B, đến khi có quy hoạch khu công nghiệp được thu hồi tại Quyết định số 1215/QĐ-CT ngày 27/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh “V/v thu hồi đất, giao cho công ty sản xuất, kinh doanh, đầu tư và dịch vụ Việt Hà thuê để xây dựng nhà máy bia Đông Á tại KCN T (huyện T)” và tại Quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh “V/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường giao đất cho công ty

đầu tư phát triển hạ tầng để xây dựng mở rộng khu dịch vụ và trung cư KCN T”. Diện tích đất bị thu hồi tại 2 Quyết định trên trong đó có trạm bơm B được bàn giao cho công nghiệp và trạm bơm B đó được thôn thanh lý sau năm 2003 và đã nhận tiền đền bù công trình trên đất theo phương án bồi thường số 131/PAPT-CT ngày 12/11/2003 theo biên bản giao nhận tiền ngày 26/3/2005.

Việc hoạt động của trạm bơm Bờ Đom được thực hiện liên tục đến năm 2003. Đến ngày 02/5/2006, ông Lê Văn Đ có đơn xin mượn L 20m² đất làm quán vào đúng diện tích trạm bơm B. Mặt khác, sau khi ông Vũ Văn T (nguyên chủ tịch UBND xã H) nghỉ chế độ đã không có việc bàn giao toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng và giao tiền giữa ông Vũ Văn T và ông Lê Văn Đ cho chính quyền tiếp theo. Về phía ông Lê Văn Đ cũng chưa nộp khoản lệ phí nào về nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với thửa đất kể trên.

Căn cứ trên Bản đồ địa chính, sổ mục kê năm 1996 diện tích đất kể trên thể hiện là đất xây dựng và đất thủy lợi do UBND xã quản lý. Trên bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 2012 thì diện tích trên thể hiện là đất giao thông. Mặt khác, UBND xã H xác định thẩm quyền cấp GCNQSDĐ thuộc về UBND huyện, việc UBND xã chỉ thực hiện việc xác nhận trong đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình, cá nhân trong điều kiện phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Với lý do như vậy, UBND xã H xác định việc giao dịch giữa ông Vũ Văn T với ông Lê Văn Đ là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, diện tích đất 96m² của trạm bơm Bờ Đom đã được thu hồi theo Quyết định số 1215/QĐ-CT ngày 27/10/2003 và Quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003 của chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và xác định đó là đất chuyên dùng, đã được đền bù. Do vậy, UBND xã Hoàn Sơn không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T trình bày:*

Ông T nguyên là Chủ tịch UBND xã H nhiệm kỳ 1995-2000. Ngày 10/9/1999 UBND xã H có lập biên bản thỏa thuận cùng ông Đ, giao cho ông Đ có trách nhiệm trông nom và điều hành nước tưới tiêu đảm bảo phục vụ lúa và hoa màu tại trạm bơm B nằm trên diện tích đất 96m² có tứ cận (Đông 8m, Tây 8m, Nam 12m, Bắc 12m). Do quy hoạch KCN T, UBND xã và HTX nông nghiệp thanh lý số diện tích 96m² kể trên bằng giá đền bù của KCN tập trung cho ông Đ và yêu cầu vào thời điểm ký hợp đồng.

Ngày 20/9/1999, tại trụ sở UBND xã H, ông có nhận số tiền 3.450.000 đồng của ông Đ (tiền chuyển nhượng đất trạm bơm). Ông là người nhận tiền và viết giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận tiền, ông có giao cho ông Nguyễn Mạnh P trưởng thôn L và không có giấy biên nhận (ông P đã chết). Khi nghỉ hưu ông không bàn giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng kể trên cho chính quyền kế nhiệm. Việc ông đại diện cho UBND xã H ký chuyển nhượng 96m² đất trạm bơm cho ông Đ là theo chủ trương của UBND xã H, ông chỉ ký là đại diện UBND xã.

Nay ông nhận thấy việc UBND xã H đại diện là ông tự ý ký chuyển nhượng đất trạm bơm cho ông Đ là sai quy định của pháp luật, nhưng do lúc đó là tình hình địa phương và trào lưu chung thời điểm đó. Đối với việc ông Đ khởi kiện UBND xã H, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc: Yêu cầu UBND xã H xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ là ông Được đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất tại trạm bơm B theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/12/2019, ông Lê Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phùng Nguyễn H và ông Nguyễn Gia M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Đ và cho rằng Tòa sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ các căn cứ pháp luật và các tình tiết khách quan của vụ án khi giải quyết vụ án dẫn đến việc ra phán quyết không chính xác xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ và buộc UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thực hiện hành vi hành chính xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ là ông Đ đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất tại trạm bơm B theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Đăng Đ trình bày: UBND xã H xác định việc giao dịch giữa ông Vũ Văn T với ông Lê Văn Đ là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, diện tích đất 96m² của trạm bơm B là đất của thôn L đã được thu hồi theo quyết định số 1215/QĐ-CT ngày 27/10/2003 và quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003 của chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và xác định đó là đất chuyên dùng, đã được đền bù. Do vậy, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên tại biên bản nghị lời khai ông trình bày:

Ông T nguyên là Chủ tịch UBND xã H nhiệm kỳ 1995-2000. Do quy hoạch KCN T, UBND xã và HTX nông nghiệp thanh lý số diện tích 96m² kể trên bằng giá đền bù của KCN tập trung cho ông Đ và yêu cầu vào thời điểm ký hợp đồng. Ngày 20/9/1999, tại trụ sở UBND xã H, ông có nhận số tiền 3.450.000 đồng của ông Đ (tiền chuyển nhượng đất trạm bơm). Ông là người nhận tiền và viết giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận tiền, ông có giao cho ông Nguyễn Mạnh P trưởng

thôn L và không có giấy biên nhận (ông P đã chết). Khi nghỉ hưu ông không bàn giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng kể trên cho chính quyền kế nhiệm. Nay ông nhận thấy việc UBND xã H đại diện là ông tự ý ký chuyển nhượng đất trạm bơm cho ông Đ là sai quy định của pháp luật, nhưng do lúc đó là tình hình địa phương và trào lưu chung thời điểm đó. Đối với việc ông Đ khởi kiện UBND xã H, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã cho rằng:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm này là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn Đ về việc: Yêu cầu UBND xã H xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ là ông Đ đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất tại trạm bơm B theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Lê Văn Đ và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Đ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/5/2019 ông Lê Văn Đ có làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 96 m² đất trạm bơm B. Ngày 16/7/2019, UBND xã H ban hành Công văn số 85/CV-UBND từ chối xác nhận vào đơn đề nghị của ông Đ với lý do việc ông Đ đề nghị UBND xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền và không có cơ sở.

Theo quy định của Luật đất đai thì UBND cấp xã có chức năng quản lý đất đai tại địa phương, thực hiện chức năng xác nhận điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 70 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Như vậy, việc UBND xã H ban hành Công văn số 85/CV-UBND là hành vi hành chính của UBND xã H không xác nhận vào đơn đề nghị của ông Đ.

Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ thì thấy:

Ngày 28/5/2019 ông Lê Văn Đ có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trạm bơm B có diện tích 96m² có tứ cận (Đông 8m, Tây 8m, Nam 12m, Bắc 12m) với lý do đã nhận chuyển nhượng của UBND xã H vào ngày 10/9/1999 và có trả tiền là 3.450.000 đ (có giấy biên nhận ngày 20/9/1999). Với lý do như vậy ông Đ đề nghị UBND xã H xem xét hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất kể trên vì đã được nhận chuyển nhượng từ UBND xã H, việc quản lý sử dụng từ thời điểm nhận chuyển nhượng đến nay không có tranh chấp. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 70 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND xã H phải xác nhận ông Đ đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất kể trên.

Về phía UBND xã H, sau khi nhận được đơn của ông Đ, UBND xã H đã không đồng ý với việc xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Đ với lý do thửa đất kể trên đã bị thu hồi theo Quyết định số 1215/QĐ-CT ngày 27/10/2003 và Quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và đã được đền bù giải phóng mặt bằng theo phương án số 131/PAPT-CT ngày 12/11/2003 của công ty sản xuất kinh doanh đầu tư và dịch vụ V. Trên thực tế, công trình xây dựng trên thửa đất kể trên và phần diện tích đất 96m² (được xác định là đất chuyên dùng theo quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003) đã được đền bù theo biên bản ngày 26/3/2005. Tuy nhiên theo Hồ sơ và bản đồ địa chính của xã thì hiện nay công ty sản xuất kinh doanh đầu tư và dịch vụ V không quản lý sử dụng thửa đất trên mà UBND xã H đang quản lý.

Quá trình giải quyết tranh chấp về thửa đất kể trên tại địa phương, ngày 02/5/2006 ông Lê Văn Đ có đơn xin mượn phần diện tích đất kể trên để làm quán bán hàng nhưng không được chấp nhận. Mặt khác, vào ngày 09/12/2013 UBND xã H cũng đã có buổi làm việc với ông Đ liên quan đến việc chuyển nhượng giao nhận đất ngày 10/9/1999 giữa ông Vũ Văn T và ông Lê Văn Đ là không phù hợp pháp luật và khẳng định UBND xã H không thanh lý diện tích đất kể trên cho ông Đ.

Về phía người liên quan là ông Vũ Văn T cũng thừa nhận việc giao nhận chuyển nhượng đất giữa UBND xã H (do ông là Chủ tịch đại diện nhiệm kỳ 1995-2000) với ông Lê Văn Đ là không đúng quy định của pháp luật mà lúc đó do tình hình thực tế tại địa phương. Trên thực tế, tại thời điểm đó trạm bơm B vẫn thực hiện phục vụ tưới tiêu canh tác đến hết năm 2003.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với đại diện thôn L cũng xác định sổ sách từ đời trưởng thôn trước đó nhưng không hề có nội

dung nào liên quan đến việc ông Vũ Văn T - nguyên Chủ tịch UBND xã H chuyển tiền về thôn L liên quan đến việc ông Lê Văn Đ nộp tiền mua diện tích đất 96m² tại Trạm B, thôn L, xã H; cũng không có khoản tiền nào ông nộp tiền mua diện tích đất này cho thôn.

Xét thấy với lý do diện tích 96m² đất trạm bơm B đã được thu hồi theo quyết định số 1486/QĐ-CT ngày 08/12/2003 và đã được đền bù giải phóng mặt bằng. Hơn nữa, giao dịch chuyển nhượng giữa ông Vũ Văn T và ông Lê Văn Đ là không đúng quy định của pháp luật. Về phía người khởi kiện đưa ra căn cứ đất sử dụng không có tranh chấp từ khi chuyển nhượng đến trước ngày 01/7/2014 mặc dù được giao không đúng thẩm quyền thì đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Nhưng trên thực tế ngày 09/12/2013 UBND xã H đã có biên bản làm việc với ông Lê Văn Đ không chấp nhận việc giao dịch chuyển nhượng liên quan đến thửa đất kể trên.

Như vậy, ông Lê Văn Đ không đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 70 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 96m² đất trạm bơm B.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy việc UBND xã Hoàn Sơn không xác nhận đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ đối với diện tích 96m² đất trạm bơm B là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Văn Đ là hoàn toàn phù hợp nên cần bác toàn bộ kháng cáo của ông Đ.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính

Áp dụng khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193; điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 24 Luật đất đai 1993; Điều 59 Luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Lê Văn Đ giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc: yêu cầu UBND xã H xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ và xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Lê Văn Đ là ông Đ đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất tại trạm bơm B theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0000882 ngày 06/8/2019 và 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0000971 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Chinh